

Số: **282** /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 28/06/2022

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Huy** và ông **Phùng Xuân Phong**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy**, Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Út**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 06 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Thùy L**, sinh năm 1996

+ Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1993

Đều cùng địa chỉ: Thôn X, xã VH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(*Chị L có mặt. Anh N vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 11/03/2022, lời khai trong quá trình tố tụng, chị **Chu Thị Thùy L** trình bày: Chị kết hôn với anh **Trần Văn N** ngày 17/10/2013, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng hạnh phúc được 04

năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, đánh đập chị làm chị bị sảy thai, chị đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đến năm 2021 anh N tiếp tục chơi bời, nợ nần không tu chí làm ăn. Vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị L đã trở về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2021 cho tới nay. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ thời gian đó. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung; cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/4/2014 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 24/12/2017, hiện nay cháu T đang sống cùng anh N; cháu A đang sống cùng chị L. Ly hôn chị L xin được nuôi dưỡng cháu Trần Văn A đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi và tự nguyện giao cháu Trần Thị Minh T cho anh Trần Văn N nuôi dưỡng đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung.

Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 27/05/2022, biên bản hòa giải ngày 02/6/2022, ngày 13/6/2022, anh Trần Văn N trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Chu Thị Thùy L là đúng. Anh kết hôn với chị Chu Thị Thùy L ngày 17/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 (tám) năm đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa hợp, nên anh N có chơi bời, có nợ nần, có quan hệ ngoại tình. Tuy nhiên anh đã giải quyết xong mọi vấn đề, nhưng chị L không bỏ qua cho anh và đã trở về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 12

năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có khuyên bảo chị L nhiều lần, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L kiên quyết không trở về chung sống cùng anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh N xác định anh và chị L có hai con chung là: cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/4/2014 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 24/12/2017, hiện nay cháu T đang sống cùng với anh N, cháu A đang sống cùng chị L, ly hôn anh N là nhất trí quan điểm của chị L về việc nuôi con: Anh N xin được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi, anh tự nguyện giao cháu Trần Văn A cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nhà ở, tài sản riêng, nợ chung: Anh N xác định anh và chị L không có gì.

Về án phí: Anh N nhất trí việc chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại biên bản xác minh ngày 27/05/2022, chính quyền địa phương xã VH cho biết: Cuộc sống chung của chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N không hạnh phúc, đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Chị L không chung sống cùng anh N từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng các đương sự giữ nguyên quan điểm, vụ án không hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn N vắng mặt. Tuy nhiên anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Chu Thị Thùy L vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. yêu cầu xin được ly hôn anh Trần Văn N vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, thời gian ly thân đã

lâu, đời sống chung không thể kéo dài. Về con chung: có hai con chung là: cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/4/2014 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 24/12/2017. Chị L tự nguyện giao cháu Trần Thị Minh T cho anh Trần Văn N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; cháu Trần Văn A chị xin tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức, nhà ở, tài sản riêng, nợ chung: Chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N đều xác định không có. Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thụ lý đúng theo thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, điều 57, 82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị Thùy L. Cho chị Chu Thị Thùy L được ly hôn anh Trần Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Minh T cho anh Trần Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Giao cháu Trần Văn A cho chị Chu Thị Thùy L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị

Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Tài sản chung, riêng, công sức chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét,

- Về án phí: Chị Chu Thị Thùy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng dân sự: Chị Chu Thị Thùy L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Trần Văn N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về nội dung vụ án:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N kết hôn ngày 17/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh N về chung sống cùng nhau ngay tại thôn X, xã VH. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được 8 năm đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N chơi bời, trai gái bên ngoài dẫn đến nợ nần. Vì vậy cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị L sinh sống từ tháng 12 năm 2021 cho tới nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Trong quá trình sống ly thân, anh N cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không trở về đoàn tụ; Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Trần Văn N. Đối với anh Trần Văn N có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, xét nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng của anh N là chính đáng, Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng không thành. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xét yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Thùy L là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L

và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Thùy L và cho chị Chu Thị Thùy L được ly hôn anh Trần Văn N là có căn cứ, đúng pháp luật.

2/ Về con chung: có hai con chung là: cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/4/2014 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 24/12/2017, hiện nay cháu T đang sống cùng anh N, cháu A đang sống cùng chị L. Chị L và anh N tự nguyện thỏa thuận: giao cho anh Trần Văn N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cho chị Chu Thị Thùy L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Văn A đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội; Chị L và anh N đều có điều kiện nhà ở ổn định, có công việc và thu nhập, đảm bảo tốt các điều kiện để các con chung phát triển bình thường, nên cần thiết áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N để giao cho anh Trần Văn N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cho chị Chu Thị Thùy L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Văn A đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh N không yêu cầu giải quyết. Do vậy Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N đến khi anh N, chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chị L và anh N đều trình bày là không có tài sản chung, riêng, nợ chung gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Chu Thị Thùy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

1/ Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Thùy L đối với anh Trần Văn N.

Cho chị Chu Thị Thùy L được ly hôn anh Trần Văn N.

2/ Về con chung: có hai con chung là: cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 02/4/2014 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 24/12/2017; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N: Giao cho anh Trần Văn N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh T đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cho chị Chu Thị Thùy L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Văn A đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N đến khi anh N, chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Chu Thị Thùy L và anh Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản riêng, về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Không có. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Chu Thị Thùy L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0060058 ngày 11/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L phải nộp.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Chu Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- UBND xã VH.
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dung

